

Bản án số: 70/2024/DSST  
Ngày: 05-8-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC – TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Hương Huyền.
- Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TB-TLVA ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-DS ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thanh P sinh năm 1978; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang,

- Bị đơn:

- Ông Thái Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do).
- Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh P trình bày: Bà tham gia 03 dây hụi do ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T làm chủ dây hụi như sau

- Dây hụi 01: 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 15/4/2022 (âm lịch), hụi gồm 21 phần, bà tham gia 01 phần và đóng hụi đầy đủ

đến kỳ thứ 16 đến kỳ thứ 17 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **L** kỳ số tiền 16.000.000đồng.

- Dây hội 02: 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 06/02/2022 (âm lịch), hội gồm 21 phần, bà tham gia 03 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 18 đến kỳ thứ 19 thì hội Ông **Thái Văn H** và Bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và Bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **L** kỳ cu3a 03 phần số tiền 54.000.000đồng.

- Dây hội 03: 5.000.000đồng, 03 tháng khai 01 lần (theo vụ lúa), khởi khai tháng 01/2022 (âm lịch), hội gồm 17 phần, bà tham gia 01 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 05 đến kỳ thứ 06 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **L** kỳ số tiền 25.000.000đồng.

Chơi hội ông **H** và bà **T** có đưa danh sách hội cho hội viên .Trong danh sách hội ghi tên **L** vì chồng bà tên **L** thứ 5

Tổng cộng 03 dây hội trên ông **H** và bà **T** nợ bà tổng cộng số tiền 95.000.000đồng .Thời gian ông **H** và bà **T** làm chủ hội số tiền nợ hội nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị K** liên đới trả bà số tiền hội là 95.000.000đồng, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Đối với bị đơn ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P**, Tòa án căn cứ trình bày của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định: quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng góp hội”

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.



[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P** trình bày: bà **Ngô Thị Thanh P** tham gia 03 dây hụi do ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** làm chủ 03 dây hụi ;

Dây hụi 1: 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 15/4/2022 (âm lịch), hụi gồm 21 phần, bà **P** tham gia 01 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 16 đến kỳ thứ 17 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khui hụi. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **P** 1 kỳ số tiền 16.000.000đồng.

Dây hụi 2: 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 06/02/2022 (âm lịch), hụi gồm 21 phần, bà **P** tham gia 03 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 18 đến kỳ thứ 19 thì hụi Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khui hụi. Ông **Thái Văn H** và Bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **P** 18 kỳ của 03 phần hụi số tiền 54.000.000đồng.

Dây hụi 3: 5.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần (theo vụ lúa), khởi khui tháng 01/2022 (âm lịch), hụi gồm 17 phần, bà **P** tham gia 01 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 05 đến kỳ thứ 06 thì hụi Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khui hụi. Ông **Thái Văn H** và Bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **P** 05 kỳ số tiền 25.000.000đồng.

Khi chơi hụi ông **H** và bà **T** có đưa danh sách hụi cho hụi viên. Trong danh sách hụi ghi tên 5 **L** vì chồng Phối bà tên **L** thứ 5.

Tổng cộng 03 dây hụi trên ông **Thái Văn H**, bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **Ngô Thị Thanh P** tổng cộng số tiền 95.000.000đồng. Ông **H** và bà **T** làm chủ hụi nhưng không trả tiền nợ hụi cho hụi viên, số tiền nợ hụi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông **H** và bà **T** nhưng không thực hiện trả tiền nợ hụi cho bà **P**, ông **H** và bà **T** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà **P**.

Nay, bà **Ngô Thị Thanh P** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị K** có nghĩa vụ liên đới trả bà **Ngô Thị Thanh P** số tiền nợ hụi là 95.000.000đồng, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. ông **Thái Văn H**, bà **Trần Thị Kim T** vắng mặt không lý do và không nộp văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tòa án xét thấy, trình bày và yêu cầu khởi của nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P** là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tham gia chơi hụi có lập danh sách hụi. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự

thật. Như vậy, Tòa án có đủ cơ sở xác định ông **Thái Văn H**, bà **Trần Thị Kim T** còn nợ bà **Ngô Thị Thanh P** số tiền nợ hui là 95.000.000đồng, Tòa án cần buộc ông **Thái Văn H**, bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới trả bà **Ngô Thị Thanh P** số tiền nợ hui 95.000.000đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P** được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P**.

1/ Buộc ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới trả bà **Ngô Thị Thanh P** Phois số tiền nợ hui 95.000.000đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bà **Ngô Thị Thanh P** có yêu cầu thi hành án, nếu ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

2/ Về án phí:

Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền 4.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P** số tiền 2.735.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003307, ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước - TG;
- THADS huyện Tân Phước- TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Trường**